

KÍCH THÍCH TÍNH TỰ GIÁC HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU CHO SINH VIÊN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO NHÀ GIÁO TƯƠNG LAI

ThS. Nguyễn Thanh Thủy¹

TÓM TẮT

Tự học là thành phần cơ bản của mọi quá trình sư phạm, bản chất của nó là sự đấu tranh với chính bản thân trong việc tiếp thu các tác động của xã hội, làm cho tác động bên ngoài chuyển thành những yêu cầu và kích thích bên trong. Thực tiễn dạy học cho thấy chỉ có tính tự giác là giải pháp hiệu quả nhất trong học tập để sinh viên tự nâng cao trình độ và nhanh chóng chiếm lĩnh tri thức về các vấn đề cần tìm hiểu. Bài viết đề cập đến việc kích thích tính tự giác học tập, là chìa khóa mở mọi cánh cửa tri thức.

Từ khóa: *Giáo dục học, phương pháp, tự giác, tự học, nghiên cứu*

1. Mở đầu

Theo thuật ngữ tiếng Anh từ “Education” nghĩa là giáo dục, vốn gốc từ La tinh đó là “Educare” có nghĩa là “làm bộc lộ ra”. Từ đó có thể hiểu “giáo dục” là quá trình (hay cách thức) làm bộc lộ ra những khả năng tiềm ẩn của người được giáo dục. Khả năng tiềm ẩn ấy được thể hiện như một nét tính cách khác nhau nào đó trong mỗi tình huống khác nhau. Trong giáo dục những kinh nghiệm của thế hệ trước được truyền lại cho thế hệ sau và truyền cho những nhóm người khác nhau trong cùng một thế hệ, từ đó chúng ta thấy rằng mỗi thời đại, mỗi chế độ xã hội lại cụ thể hóa giáo dục thành những nhiệm vụ khác nhau và thích hợp với thời đại đó. Trong toàn bộ sự phát triển của lịch sử loài người gắn chặt với sự phát triển của lao động, nếu không có việc truyền lại và tiếp thu những kinh nghiệm sống giữa các thế hệ thì xã hội loài người không thể tồn tại. Muốn duy trì và phát triển xã hội nhất thiết phải thực hiện chức năng đào tạo, như K. Marx đã chỉ rằng: “Để cải biến các bản thể tự nhiên chung của con người sao cho nó được sự đào tạo và những kỹ xảo về

một lĩnh vực nhất định và trở thành sức lao động phát triển và chuyên môn hóa, thì cần phải có việc huấn luyện hoặc việc giáo dục nhất định” [1].

Thật đúng như vậy để có được sự đào tạo và những kỹ xảo trong lĩnh vực lao động *trồng người*, các thế hệ đi trước (giáo viên và người làm công tác giáo dục) trong ngành giáo dục và đào tạo nói chung và giảng viên Đại học Đồng Nai nói riêng phải có giải pháp mới cụ thể để giúp sinh viên nhận thức một cách đúng đắn vai trò của bản thân trong lĩnh vực nghề nghiệp mà các em đã chọn. Đầu thế kỷ XXI xu hướng xã hội học tập đang dần hình thành, ở đó mọi người học tập thường xuyên, lấy tự học làm nền tảng. Với tính chất ấy, giáo dục là quá trình tác động để phân biệt với tự giáo dục là quá trình chủ động và tự giác của chủ thể, nên việc kích thích cho sinh viên ý thức tự giác là nền tảng cơ bản và thiết yếu để sinh viên có thể thực hiện tốt vai trò tự học và tự giáo dục bản thân. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết chúng tôi tập trung vào việc kích thích tính tự giác học tập, nghiên cứu cho sinh viên trong quá trình đào tạo nhà giáo dục tương lai.

¹Trường Đại học Đồng Nai

2. Nội dung

2.1. Vai trò của giáo dục học trong việc giáo dục ý thức tự giác trong học tập, hình thành năng lực tự học, tự giáo dục

Giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội đặc biệt được nghiên cứu từ nhiều ngành khoa học khác như Triết học, Tâm lý học, Đạo đức học, Sinh lý học, Xã hội học, Logic học, Điều khiển học, v.v. Về bản chất, giáo dục là sự truyền đạt và tiếp thu kiến thức; về hoạt động, giáo dục là quá trình tác động của xã hội và của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục để hình thành phẩm chất nhân cách cho họ.

Giáo dục học trong trường đại học có thời lượng 4 đơn vị học trình, đây là môn học có đặc trưng riêng đòi hỏi người dạy và người học cần có những phương pháp đặc biệt phù hợp để đạt được mục tiêu dạy học và mục đích giáo dục. Trong quá trình dạy Giáo dục học, người giảng viên có vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển quá trình dạy học, cụ thể là lập kế hoạch dạy môn học; xây dựng kế hoạch bài giảng; tổ chức thực hiện bài giảng, kích thích tính hứng thú, tích cực, sáng tạo của sinh viên; kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên, điều chỉnh và hoàn thiện quá trình dạy học. Cùng với vai trò chủ đạo, tổ chức giảng viên phải rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên (bao gồm: kỹ năng dạy học, kỹ năng giáo dục, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục) góp phần hình thành nhân cách người giáo viên tương lai, đồng thời phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu khoa học giáo dục cho các em đó chính là việc

kích thích tính tự giác trong học tập và trong nghiên cứu.

Thực tiễn dạy học cho thấy sinh viên rất thụ động trong học tập, đặc biệt là việc học môn Giáo dục học, các em chưa hiểu được một cách thấu đáo giáo dục là gì; chưa xác định được ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học ra sao; môn học có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống nghề nghiệp tương lai của những người trong ngành sư phạm. Đôi khi sinh viên tỏ thái độ xem thường, thiếu chủ động trong thực hiện nhiệm vụ học tập, không có ý tưởng cho việc tự học đối với việc học tập nói chung và phân môn Giáo dục học nói riêng. Trong quá trình giảng dạy, đa số giảng viên dường như rất ít nhận được sự phản hồi hay thắc mắc về mặt kiến thức từ phía sinh viên, trừ khi kiểm tra hoặc thi hết học phần (đây là chia sẻ của các đồng nghiệp). Điều này cho thấy sinh viên không nhận biết được sự bổ ích của môn học mang lại, không hiểu ý nghĩa của nó đối với người làm công tác sư phạm và cũng chưa nhận biết những ảnh hưởng của môn học đến sự phát triển nhân cách con người. Từ những nhận xét trên chúng tôi có thể phân tích dựa trên các nguyên nhân dưới đây:

Thứ nhất, sinh viên thiếu nền tảng tri thức cơ bản và tri thức liên ngành để tiếp cận và quán triệt các giá trị của giáo dục. Ví dụ đối với nội dung giáo dục mang tính lịch sử, sinh viên chấp nhận hiểu và biết là như thế, nếu hỏi tại sao, hay đề nghị phân tích thì sinh viên rất lúng túng. Để lý giải tính chất này thì sinh viên phải vận dụng kiến thức Sử học là: giáo dục trải qua các thời kỳ lịch sử như Cộng sản nguyên thủy dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, giáo dục trong xã hội

phong kiến và thời kỳ tiền tư bản chủ nghĩa, giáo dục tư bản chủ nghĩa và giáo dục xã hội chủ nghĩa... trong mỗi giai đoạn lịch sử thì giáo dục là công cụ phục vụ cho từng giai đoạn khác nhau với mục đích giáo dục khác nhau. Có như vậy thì mới giúp các em có được cái nhìn toàn vẹn về tính chất của giáo dục. Nhưng quỹ thời gian phân bổ cho việc khai thác kiến thức phân môn quá hạn hẹp không cho phép giảng viên thực hiện cùng sinh viên trên lớp, bắt buộc các em phải tự có kế hoạch tìm hiểu thêm về kiến thức cho bản thân.

Thứ hai, tính thụ động của sinh viên trong học tập là một trở ngại vô cùng lớn trong việc chiếm lĩnh tri thức. Mặc dù bắt đầu tiếp cận môn học mới, cũng như trong quá trình giảng dạy giảng viên đã cung cấp đề cương, giới thiệu tài liệu bắt buộc, tài liệu tham khảo có liên quan, định hướng cho sinh viên tìm hiểu thêm, và tự học. Tuy nhiên tính chủ động thực hiện công việc này không cao và khả năng tương tác với giảng viên cũng rất hạn chế, khả năng làm việc nhóm để giải quyết nhiệm vụ học tập do giảng viên đặt ra cũng chưa có biểu hiện tích cực, các em chưa hình thành được kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao việc cho đồng đội và quản lý công việc, vì vậy giảng viên muốn ứng dụng phương pháp dạy học mới tạm thời là bất khả thi.

Thứ ba, việc thực hiện giảng dạy môn học vẫn mang tính nặng về lý thuyết suông, giảng viên phụ trách bộ môn không được trực tiếp hướng dẫn sinh viên thâm nhập vào thực tế (điển hình là thực tập sư phạm), đó là một trong những nguyên nhân làm giảm giá trị của nguyên lý dạy học gắn lý thuyết với thực tiễn.

Điều này vừa vô tình làm vô hiệu hóa tầm quan trọng và ý nghĩa tác dụng của môn học, vừa là nguyên nhân làm cho sinh viên không đánh giá cao môn học, cũng như không tôn trọng giảng viên. Đây là hạn chế nói chung không chỉ ở trường chúng tôi mà còn ở những trường đại học khác (qua tham khảo từ đồng nghiệp).

Điều 40 của Luật Giáo dục nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (6/2005) chỉ rõ: “*Phương pháp đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng*”. Để đào tạo những con người lao động mới đáp ứng được nhu cầu của xã hội, thì các trường đại học cần phải xây dựng nhanh những giải pháp đột phá để đổi mới phương pháp dạy học. Trong dạy học tích cực, trọng tâm chuyển dịch từ cách thức đào tạo đã được lập sẵn kế hoạch, được giảng viên tổ chức và thực hiện sang cách thức tạo điều kiện cho sinh viên tự học tập. Cách tiếp cận dạy học tích cực này có cơ sở từ thuyết kiến tạo nhận thức của J. Piaget (1936), và của E.C. Tolman (1959) và quan điểm nhân văn đối với giáo dục. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò của người học trong quá trình học tập và giảng viên được coi là người hỗ trợ. Người học sẽ tự xây dựng kế hoạch học tập của mình, người dạy tạo môi trường học tập thuận lợi, thường xuyên kích thích tư duy.

2.2. Kích thích tính tự giác học tập, nghiên cứu cho sinh viên trong quá trình đào tạo nhà giáo dục tương lai - một định hướng đề xuất

“Tính tự giác được thể hiện ở chỗ người học ý thức đầy đủ về mục đích, nhiệm vụ học tập, nghiên cứu qua đó nỗ lực nắm vững tri thức trong quá trình lĩnh hội” [2, tr. 136]

Nỗ lực bao hàm tính tích cực và chủ động – Tính tích cực là thái độ cải tạo của chủ thể, huy động mức độ cao các chức năng tâm lý giải quyết nhiệm vụ học tập... Tính chủ động là sự sẵn sàng tâm lý, vừa là năng lực vừa là phẩm chất tự học. Trên cơ sở này sinh viên (người học) tự lập kế hoạch cụ thể hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự lựa chọn phương pháp và phương tiện, tự đánh giá và tự điều chỉnh trong tiến trình học, tự phân tích kết quả hoạt động và tự cải tiến phương pháp cho bản thân.

Theo định hướng này, giảng viên chỉ là người xác định mục đích, đặt ra những yêu cầu về mặt tri thức và khẳng định tri thức đó có ý nghĩa như thế nào đối với sinh viên và đối với quá trình học tập. Kích thích tính tự giác bằng cách buộc sinh viên phải chủ động thực hiện hoạt động nhận thức của mình, tự xác định nội dung tri thức đáp ứng đúng mục đích và yêu cầu trên. Sinh viên tự giải quyết các nhiệm vụ học tập, tự kiểm tra, đánh giá và tự điều chỉnh dưới sự giám sát của giảng viên. Phương pháp này khơi gợi tính tò mò, mong muốn hiểu biết của sinh viên, tạo nhu cầu khát kiến thức, từ đó sinh viên ý thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân phải tự tìm tòi học hỏi, phương thức đó cũng là một định hướng

tiếp cận gắn nhất với việc nghiên cứu khoa học sau này, hình thành dần thói quen tự nghiên cứu.

“Hình thành, phát triển và rèn luyện hệ thống kỹ năng tự học cho học sinh đòi hỏi một quá trình lâu dài, kiên trì, thường xuyên. Trong đó, giáo viên phải là người tổ chức, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra học sinh tự học; học sinh phải chủ động, tích cực, tự giác và kiên trì luyện tập. Chỉ khi nào “tự học” trở thành thói quen và niềm đam mê của học sinh thì việc tự học mới đem lại hiệu quả thực sự” [3].

Theo tâm lý học, thái độ học tập của người học là nền tảng quan trọng nhất cho việc hình thành và phát triển kỹ năng tự học. Chỉ khi nào người học tự ý thức được việc tự học, có niềm tin vào bản thân, và việc tự học trở thành sở thích, đam mê, sẽ không cần có sự thúc giục của yếu tố bên ngoài. Muốn tác động tốt tính tự giác và kỹ năng tự học cho sinh viên thì theo chúng tôi các trường đại học cần tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phải bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ giáo viên không chỉ có phẩm chất tốt, kiến thức giỏi, chuyên môn sâu và kiến thức liên ngành rộng, có năng lực nghiên cứu khoa học, mà còn có nghiệp vụ sư phạm vững vàng.

Trong quá trình đào tạo cần bồi dưỡng ý thức tự giác cho sinh viên để họ nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của việc tự học, hệ thống các kỹ năng tự học và các biện pháp rèn luyện kỹ năng tự học. Có như vậy, sinh viên sẽ tự nâng cao năng lực tự học của mình, làm cơ sở để tự học suốt đời và có khả năng dạy cho học sinh phổ thông phương pháp tự

học hiệu quả. Trong việc tự giác học tập, ứng dụng công nghệ thông tin được xem là nguồn phương tiện tốt nhất để hỗ trợ, cũng là phương tiện tối ưu cho sinh viên trong việc truy tìm tài liệu tự học, đặc biệt là công dụng của mạng internet.

Thực hiện đúng theo định hướng đề xuất này ở phân môn Giáo dục học, chúng tôi nghĩ rằng sẽ tháo gỡ được một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, tự giác học tập sẽ giải quyết được sự cục bộ về mặt kiến thức cho sinh viên, làm phong phú vốn hiểu biết về những kiến thức liên ngành. Qua quá trình tự nghiên cứu, sinh viên sẽ hiểu sâu hơn về mối quan hệ giữa môn học và các khoa học khác như gần nhất là khoa học Triết học - cha đẻ của khoa học Giáo dục, Tâm lý học, Xã hội học là môi trường tồn tại và phát triển cùng Giáo dục học. Sự tự giác học tập luôn là khởi nguồn cho mọi sự đổi mới về lĩnh vực giáo dục. Điều quan trọng nhất hiện nay là nỗ lực tạo nhận thức cho người học để mỗi người hiểu rằng, họ mới chính là chủ nhân của quá trình giáo dục, là “nhà quản trị” sự học tập của bản thân, với tâm thế: “Ta là sản phẩm của chính mình”.

Thứ hai, tự giác học tập sẽ khắc phục triệt để tính thụ động, chây lười trong học tập của sinh viên, song với sự định hướng của giáo viên nếu sinh viên không tự tìm hiểu nội dung chính xác cho nguồn tri thức chỉ mới có mục đích và ý nghĩa, họ sẽ không thể vượt qua những quy định gắt gao của việc đánh giá và các tiêu chuẩn hoàn thành môn học, đó là phương pháp bắt buộc sinh viên phải nỗ lực. Một trong các tiêu chuẩn quy định về năng lực của một nhà giáo dục, đó là tính

tự giác, tự học hỏi, học tập và rèn luyện suốt đời luôn làm tấm gương sáng cho các thế hệ sau. Giáo dục còn là sản phẩm của chính con người đó, của một quá trình giáo dục tự thân. Nghĩa là, người học vừa là nguyên liệu, vừa là sản phẩm và cũng lại là trung tâm của cả quá trình giáo dục. Người học cần phải biết nắm lấy sự chủ động cao nhất trong toàn bộ quá trình học. Và mọi sự đổi thay, cải cách hay cải tiến giáo dục đều bắt đầu từ sự học của bản thân mỗi người.

Thứ ba, tự nghiên cứu là con đường hiệu quả nhất đưa sinh viên đến kho tàng tri thức của nhân loại, dần dần hình thành thói quen lựa chọn tri thức phù hợp và đáp ứng được nhu cầu hiện tại cho bản thân. Một vài ý kiến cho rằng một số trong chúng ta là những sản phẩm bị “lỗi” của nền giáo dục Việt Nam. Nhưng thực tế cho thấy đâu phải tất cả những ai thụ hưởng nền giáo dục trong nước đều bị “lỗi”. Vẫn có rất nhiều người thành tài mà chưa hề thụ hưởng một nền giáo dục nào khác ngoài những điều đã được học, được dạy trong nhà trường Việt Nam. Tìm hiểu những kinh nghiệm của họ, điểm khác nhau chính là ở nhận thức về tự học và quá trình tự nhận thức, tự rèn luyện, tự thân vận động và phát triển của họ. Từ đó sinh viên có thể xác định được học vấn hiện tại của chính mình, tự phấn đấu học tập vươn lên để hòa nhập, thích ứng cuộc sống, tự khẳng định bản thân và phát triển.

3. Kết luận

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung bàn về việc kích thích tính tự

giác cho sinh viên trong học tập, nghiên cứu. Do nhiều nguyên nhân chúng tôi chưa đề cập một cách đầy đủ và thấu đáo những nội dung của nó. Nhưng điều chúng tôi mong muốn là trong quá trình nghiên cứu nói chung và trong bộ môn Giáo dục học nói riêng, người dạy và người học cần ý thức tự giác, nhất là phải

có phương pháp dựa trên các tiêu chí cụ thể, dựa vào đặc thù của giáo dục mà tìm hiểu sâu và hệ thống hóa những vấn đề liên quan. Hy vọng rằng tính tự giác học tập, nghiên cứu sẽ trở thành thói quen - một phương pháp học tập tích cực, sẽ khơi nguồn cảm hứng say mê của người dạy cũng như người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. K. Marx (1976), *Tư bản* (tập 1, quyển 1), Nxb. Sự thật, Moskva.
2. Trần Thị Tuyết Oanh, Phạm Khắc Chương, Bùi Minh Hiền (2009), *Giáo trình Giáo dục học* (tập 1 và 2), Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. www.nhandan.org.vn/cuoituan.

STIMULATING STUDENTS' SELF-AWARENESS OF LEARNING AND RESEARCH IN THE TRAINING PROCESS OF THE FUTURE TEACHERS

ABSTRACT

Self-learning is a basic component of every pedagogical process, in which its nature is the struggle within oneself to acquire the social impacts in an attempt to transform the external impacts into one's requirements and internal stimulations. Teaching practices indicate that self-awareness of learning is the single most effective indicator/solution in learning with a view to helping students self-improve their academic levels, which in turn helps them quickly be in control of the knowledge about the fields they are pursuing. This paper regards encouragement of self-learning attitudes as a key to every field of knowledge.

Keywords: *Pedagogy, method, self-awareness, study, research*